

Bản án số: 122/2020/HNGĐ-ST
Ngày 02 – 6 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị M, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp T1, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Ngô Công T, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp T2, xã T3, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Võ Thị M và anh Ngô Công T tự nguyện chung sống với nhau năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xảy ra cự cãi; mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhưng không khắc phục được dẫn đến đã sống ly thân cách nay khoảng 07 năm. Từ các nguyên nhân trên, các đương sự xác định do hôn nhân không có đăng ký kết hôn và không thể quay lại chung sống nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự.

Quá trình chung sống có 02 con chung, gồm: Ngô Thị Phương A, sinh ngày 01/11/2004 và Ngô Thị Phương Y, sinh ngày 09/5/2009 do chị M đang nuôi

dưỡng. Khi ly hôn, các đương sự thỏa thuận giao cho chị M tiếp tục nuôi, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung và các vấn đề khác các đương sự xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Võ Thị M và anh Ngô Công T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định.

[2] Chị M và anh T chung sống với nhau năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xảy ra cự cãi dẫn đến đã sống ly thân cách nay khoảng 07 năm. Từ các nguyên nhân trên, các đương sự yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự.

Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ dù điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của các đương sự, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh T là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Các đương sự có 02 người con do chị M đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, Ngô Thị Phương A và Ngô Thị Phương Y đều có nguyện vọng sinh sống cùng với chị M.

Xét thỏa thuận giữa các đương sự phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Do đó, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trên cơ sở xem xét nguyện vọng của Phương A và Phương Y nên chấp nhận việc thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn của các đương sự là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị M không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản và các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị M phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị M và anh Ngô Công T.

2. Về con chung: Giao Ngô Thị Phương A, sinh ngày 01/11/2004 và Ngô Thị Phương Y, sinh ngày 09/5/2009 cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị M phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010589 ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị M đã nộp xong).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn